

Số: /TB-SNNMT

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

## THÔNG BÁO

### **Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (đất san lấp) ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhóm IV (đất san lấp) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (Quyết định số 1433/QĐ-UBND);

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo đến các nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư các công trình, dự án được đề xuất cung cấp khoáng sản nhóm IV tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND hoặc các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản được nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư các công trình, dự án tại Phụ lục kèm Quyết định số 1433/QĐ-UBND nêu trên giới thiệu có nhu cầu khoáng sản nhóm IV để phục vụ cho các dự án, công trình nêu trên thì lập hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>1</sup>, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026, kết quả gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Bắc Ninh) để được xem xét, lựa chọn theo quy định; thời hạn nộp hồ sơ kể từ ngày ban hành thông báo này đến hết **ngày 15/6/2026**.

Sau thời hạn nêu trên, nếu đơn vị không nộp hồ sơ hoặc không có báo cáo, kiến nghị đề xuất đối với các mỏ nêu trên thì Sở sẽ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý chuyển vị trí mỏ cho công trình, dự án khác.

Giao cho Phòng Tài nguyên và khoáng sản hướng dẫn và triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định tại Thông báo này đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh thông báo cho các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện ./.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh- Đào Quang Khải (b/c);
- GD Sở, các PGĐ Sở;
- TNKS, VPS (để đăng tải lên trang thông tin của Sở, của UBND tỉnh; Bộ Nông nghiệp và Môi trường);
- Các nhà thầu thi công, nhà đầu tư, chủ đầu tư các công trình, dự án tại Phụ lục kèm Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 02/6/2026;
- UBND các xã, phường: Trường Sơn, Nghĩa Phương, Tam Tiến, Đồng Kỳ, Bồ Hạ, Nam Dương, Phương Sơn;
- Lưu: VT, TNKS<sub>Hưng</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Quang Phát**

<sup>1</sup> Quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐƯỢC ĐỀ XUẤT CUNG CẤP KHOÁNG SẢN NHÓM IV TẠI CÁC KHU VỰC KHÔNG ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV (ĐẤT SAN LẤP) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH ĐƯỢC CHỦ TỊCH UBND TỈNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1433/QĐ-UBND NGÀY 02/6/2026**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-SNNMT ngày /6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Địa điểm khu vực	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107 <sup>o</sup> , múi chiếu 3 <sup>o</sup> )		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Các công trình, dự án được đề xuất cung cấp khoáng sản nhóm IV
		X(m)	Y(m)			
<i>I</i>	<i>Xã Trường Sơn</i>			<i>54</i>	<i>45.000.000</i>	
1	Thôn Đồng Quán, thôn Vua Bà, xã Trường Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Khu I)	2348590.40	451484.77	54	45.000.000	(1) Dự án Đầu tư đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bắc Ninh tại phường Võ Cường, phường Hạp Lĩnh và xã Liên Bảo, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 258,86ha; (2) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới sinh thái nghỉ dưỡng và dịch vụ giải trí tại xã Liên Bảo, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 84,94ha; (3) Dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn Châu Phong tại xã Phù Lãng và phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 99,26ha; (4) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Xuân Cẩm-Hương Lâm, giai đoạn 2 tại xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 121,17ha; (5) Dự án Cảng cạn Đồng Sơn, phường Tiên Phong, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 17,17ha.
		2348420.22	451500.65			
		2348178.90	451535.93			
		2348426.21	451632.36			
		2348329.94	451737.19			
		2348103.51	451825.50			
		2348009.46	451780.00			
		2347992.55	451567.15			
		2347829.76	451499.78			
		2347695.48	451571.92			
		2347613.77	451004.54			
		2347812.62	450748.72			
		2348111.40	450931.46			
		2348269.95	451182.80			
		2348457.44	451348.27			
		2348591.55	451405.21			

STT	Địa điểm khu vực	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Các công trình, dự án được đề xuất cung cấp khoáng sản nhóm IV
		X(m)	Y(m)			
<b>II</b>	<b>Xã Nghĩa Phương</b>			<b>24,8</b>	<b>11.780.000</b>	
2	Khu vực đồi Tròn, thôn An Sơn, xã Nghĩa Phương	2350800.45	437569.72	24,8	11.780.000	Dự án “Đầu tư xây dựng Khu cảng cạn và dịch vụ logistics tại phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh và xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường Võ Cường và xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh), với quy mô khoảng 87,12ha.
		2350768.87	437665.85			
		2350657.31	437633.20			
		2350597.91	437618.42			
		2350550.61	437659.12			
		2350661.93	437730.42			
		2350643.76	437751.52			
		2350742.27	437816.99			
		2350734.78	437916.84			
		2350687.20	437922.94			
		2350650.48	437905.61			
		2350603.90	437912.03			
		2350592.75	437968.75			
		2350325.60	438046.13			
		2350067.00	437748.88			
		2350258.15	437529.80			
		2350303.00	437633.00			
		2350461.00	437467.00			
		2350584.64	437442.11			
		2350603.85	437517.24			
		2350672.21	437519.28			
		2350667.84	437552.69			

STT	Địa điểm khu vực	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Các công trình, dự án được đề xuất cung cấp khoáng sản nhóm IV
		X(m)	Y(m)			
<i>III</i>	<i>Xã Tam Tiến</i>			<b>62,5</b>	<b>18.900.000</b>	
3	Khu vực các thôn Chàm, Núi Lim, Đông Tiên, Diễn, xã Tam Tiến	2381815.75	406050.09	32,5	8.900.000	Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Trung Sơn - Ninh Sơn, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 74,96 ha.
		2381650.80	406365.81			
		2381563.63	406601.58			
		2381497.09	406709.72			
		2381398.38	406777.05			
		2381252.24	406730.16			
		2381194.11	406618.54			
		2381228.29	406470.13			
		2381462.59	406110.54			
		2381518.87	406150.65			
		2381601.07	406041.46			
		2381551.71	406002.34			
		2381608.43	405927.85			
		2381651.56	405911.67			
		2381600.76	405791.78			
		2381696.88	405629.04			
		2381857.80	405676.62			
		2381919.88	405791.23			
		2381863.95	405895.84			
		2381782.41	405945.84			

STT	Địa điểm khu vực	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiều 3 <sup>0</sup> )		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Các công trình, dự án được đề xuất cung cấp khoáng sản nhóm IV
		X(m)	Y(m)			
4	Thôn Quỳnh Lâu, xã Tam Tiến (Khu I)	2378925.30	403425.58	30	10.000.000	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Song Mai - Nghĩa Trung, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 197,1 ha.
		2378385.09	403669.43			
		2378120.55	403260.55			
		2378577.02	402946.64			
		2378681.77	403019.23			
		2378691.20	403192.57			
<b>IV</b>	<b>Xã Đồng Kỳ</b>			<b>15,0</b>	<b>4.875.000</b>	
5	Khu vực thôn Đèo Cà, xã Đồng Kỳ	2378019.01	418774.84	15,0	4.875.000	(1) Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Mỹ Thái, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 159,97ha; (2) Dự án mở rộng Khu công nghiệp Mỹ Thái, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh.
		2378028.75	418879.48			
		2378055.59	419009.72			
		2378128.63	419104.65			
		2377833.96	419303.05			
		2377789.34	419211.03			
		2377750.71	419051.43			
		2377597.19	419096.15			
		2377530.88	419062.36			
		2377576.03	418889.20			
		2377698.63	418884.42			
		2377692.90	418941.43			
		2377780.02	418945.00			
		2377922.76	418802.18			

STT	Địa điểm khu vực	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Các công trình, dự án được đề xuất cung cấp khoáng sản nhóm IV
		X(m)	Y(m)			
V	<i>Xã Bồ Hạ</i>			33,6	6.485.000	
6	Khu vực thôn Đồi Hồng, xã Bồ Hạ	2374432.05	422252.34	25,0	5.625.000	(1) Dự án Cụm công nghiệp Quang Châu, phường Nénh và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 60 ha; (2) Dự án Khu dân cư số 2, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 19,6 ha.
		2374565.74	422016.32			
		2374735.03	422052.08			
		2374787.90	422020.22			
		2374854.15	421927.47			
		2374819.70	421788.00			
		2374928.53	421612.49			
		2375223.16	422131.58			
		2374858.00	422264.94			
		2374826.35	422247.37			
		2374773.80	422274.35			
		2374769.95	422310.22			
2374662.94	422399.12					
7	Khu vực thôn Ao Cạn, xã Bồ Hạ	2373911.79	424710.32	8,6	860.000	Dự án Cụm công nghiệp Đông Sơn, xã Bồ Hạ, tỉnh Bắc Ninh, với quy mô khoảng 25ha.
		2373828.92	424740.46			
		2373662.36	424711.18			
		2373643.41	424685.76			
		2373567.77	424681.09			
		2373559.02	424644.77			
		2373579.26	424591.03			
		2373635.35	424566.24			
		2373590.03	424511.48			

STT	Địa điểm khu vực	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Các công trình, dự án được đề xuất cung cấp khoáng sản nhóm IV
		X(m)	Y(m)			
		2373598.31	424462.42			
		2373678.01	424424.25			
		2373710.62	424451.14			
		2373798.25	424452.29			
		2373809.83	424479.52			
		2373869.86	424466.27			
		2373946.72	424604.82			
<b>Tổng cộng (I +II+...V)</b>				<b>189,9</b>	<b>87.040.000</b>	
<b>VI</b>	<b>Xã Nam Dương</b>			<b>23,5</b>	<b>9.400.000</b>	
1	Khu vực Núi Biêng, thôn Biêng và thôn Đồng Ấu, xã nam Dương	2358952.00	453517.00	14,5	7.600.000	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội
		2358957.00	453553.00			
		2358949.00	453626.00			
		2358848.00	453594.00			
		2358806.00	453668.00			
		2358852.00	453698.00			
		2358822.00	453782.00			
		2358735.00	453838.00			
		2358654.00	453808.00			
		2358496.00	453773.00			
		2358388.00	453713.00			
		2358314.00	453620.00			
		2358393.00	453414.00			
		2358579.00	453592.00			
2358600.00	453515.00					

STT	Địa điểm khu vực	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Các công trình, dự án được đề xuất cung cấp khoáng sản nhóm IV
		X(m)	Y(m)			
2	Khu vực thôn Bến Huyện, xã Nam Dương	2360942.00	452733.00	9,0	1.800.000	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội
		2361008.00	452887.00			
		2361002.00	452962.00			
		2360972.15	453030.99			
		2360853.74	453068.02			
		2360722.42	452959.27			
		2360714.73	452714.47			
		2360866.59	452649.71			
<b>VII</b>	<b>Phường Phụng Sơn</b>			<b>16,0</b>	<b>3.200.000</b>	
3	Khu vực tổ dân phố Hòa Mục, phường Phụng Sơn	2360866.59	452649.71	16,0	3.200.000	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội
		2360795.42	452238.40			
		2360836.89	452159.61			
		2360763.47	452028.58			
		2360610.66	452069.67			
		2360584.71	452267.21			
		2360527.37	452420.96			
		2360565.27	452605.99			
		2360714.73	452714.47			
<b>Tổng cộng (VI+VII)</b>				<b>39,5</b>	<b>12.600.000</b>	
<b>Tổng cộng (I+II+...VII)</b>				<b>229.4</b>	<b>99.640000</b>	